

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ QUẢNG TRỊ

(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐTD ngày /9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Nguyễn Nhị	An				4	5	1990	Triệu Tài, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		QTR00009		95.00	76.25	80.00		QTR00019
2	Nguyễn Thị Thủy	An				28	7	1992	Triệu Độ, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Bình Dương	Quản trị kinh doanh		QTR00018		VT	VT	VT		QTR00179
3	Bùi Công Tuấn	Anh	29	11	1994				Vĩnh Thạch, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Tài chính ngân hàng		QTR00027		VT	VT	VT		QTR00124
4	Lê Thị Kim	Anh				25	1	1991	Phường Văn Yên, TP Hà Tĩnh, Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Ngân hàng		QTR00053		VT	VT	VT		QTR00247
5	Lê Thị Lan	Anh				6	11	1991	Cam Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học Ngân hàng TP HCM	Hệ thống thông tin doanh nghiệp		QTR00054		60.00	56.25	75.00		QTR00007
6	Phan Thị Vân	Anh				27	9	1993	Triệu Thượng, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		QTR00107		100.00	62.50	92.50		QTR00062
7	Võ Quỳnh	Anh				17	7	1993	Hải Quy, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại Học Thương Mại-Hà Nội	Quản trị doanh nghiệp thương mại		QTR00124		47.50	36.25	30.00		QTR00095
8	Ngô Thị Ngọc	Bích				25	10	1990	Lan Đình, Gio Phong, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học kinh tế TP HCM	Kế toán		QTR00158		VT	VT	VT		QTR00049
9	Trần Quốc	Bồn	15	10	1994				Triệu Long, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật hợp đồng		QTR00174		47.50	27.50	40.00		QTR00209
10	Nguyễn Thị Giang	Châu				3	1	1992	Triệu Hòa, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán doanh nghiệp		QTR00197		VT	VT	VT		QTR00084
11	Phùng Thị Minh	Châu				23	6	1982	Vĩnh Tân, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Tài chính Marketing TP HCM	Tài chính ngân hàng		QTR00200		VT	VT	VT		QTR00271
12	Trần Kim	Chi				11	5	1991	Vĩnh Chấp, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học kinh tế TP HCM	Kế toán		QTR00223		95.00	60.00	92.50		QTR00031
13	Trần Thị Phương	Chi				10	8	1993	Gio Hải, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học kinh tế- Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QTR00226		VT	VT	VT		QTR00204
14	Trương Nguyễn Minh	Cường	28	7	1992				Gio Mai, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QTR00262		VT	VT	VT		QTR00228
15	Ngô Thị	Đào				27	7	1991	Thôn Thủy Trung, Vĩnh Kim, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QTR00271		77.50	56.25	82.50		QTR00166
16	Nguyễn Thị Hồng	Diệu				1	5	1994	Triệu Đại, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng quát		QTR00309		VT	VT	VT		QTR00005
17	Phạm Quốc	Đôn	2	9	1991				Lộc Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học kinh tế TP HCM	Kiểm toán		QTR00319		70.00	73.75	85.00		QTR00038
18	Lê Trung	Đức	3	6	1991				Vĩnh Giang, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Lạc Hồng	Kê toán kiểm toán		QTR00327		VT	VT	VT		QTR00290
19	Mai Thị Thủy	Dung				17	2	1994	Quảng Văn, Quảng Trạch, Quảng Bình	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QTR00356		82.50	63.75	82.50		QTR00003
20	Nguyễn Thị Phương	Dung				17	6	1988	Vĩnh Lâm, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Luật Tp HCM	Kinh tế và Quản lý công		QTR00367		100.00	60.00	85.00		QTR00001
21	Nguyễn Thị Thủy	Dung				14	1	1992	Xuân Bắc, Xuân Sơn, Đỗ Lương, Nghệ An	Đại học Luật TP HCM	Luật thương mại		QTR00374		VT	VT	VT		QTR00055
22	Tổng Thị Thủy	Dung				14	5	1992	Thiệu Hòa, Thiệu Hóa, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QTR00381		VT	VT	VT		QTR00189
23	Nguyễn Quang	Dũng	19	3	1991				Vĩnh Thái, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Ngân hàng		QTR00395		45.00	27.50	37.50		QTR00108
24	Phạm Tiến	Dũng	12	11	1986				Nghĩa Ninh, TP Đồng Hới, Quảng Bình	Đại học Đông Á Đà Nẵng	Kế toán		QTR00400		VT	VT	VT		QTR00245
25	Hoàng Thị Thủy	Duyên				7	1	1995	An Trú Triệu Tài Triệu Phong Quảng Trị	Đại học tài chính kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QTR00439		70.00	43.75	67.50		QTR00293
26	Nguyễn Thị	Duyên				1	4	1990	Vĩnh Chấp, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Học Viện tài chính	Quản lý tài chính công		QTR00443		85.00	55.00	70.00		QTR00115

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
27	Nguyễn Thị	Gái				25	11	1981	Vĩnh Cháp, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học kinh tế TP HCM	Kế toán		QTR00460		35.00	22.50	37.50		QTR00268
28	Hoàng Đức Phương	Giang	27	11	1993				Cổ Mỹ, Vĩnh Giang, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán kiểm toán		QTR00469		100.00	62.50	82.50		QTR00105
29	Trần Khánh	Giang				8	8	1988	Thôn Trường Sơn, Phù Hóa, Quảng Trach, Quảng Bình	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán kiểm toán		QTR00496		VT	VT	VT		QTR00118
30	Trương Ngọc Kiều	Giang				2	2	1992	Tân Định, Cam Thành, Cam Lộ, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QTR00500		VT	VT	VT		QTR00230
31	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao				18	10	1993	Vĩnh Nam, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại Học Kinh Tế- Đại Học Huế	Kế toán doanh nghiệp		QTR00504		45.00	31.25	52.50		QTR00103
32	Lê Thị	Hà				28	3	1991	Đội 2, Thạch Bàn, An Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Ngân hàng		QTR00522		VT	VT	VT		QTR00159
33	Nguyễn Thị Thu	Hà				18	4	1994	Thái Lai, Vĩnh THái, Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị	Đại học tài chính kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QTR00539		90.00	51.25	75.00		QTR00291
34	Phan Ngọc	Hải	4	5	1992				Quảng Phước, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Quản trị kinh doanh thương mại		QTR00575		85.00	32.50	77.50		QTR00035
35	Hoàng Thị Thu	Hằng				10	7	1994	Triệu Ái, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		QTR00595		VT	VT	VT		QTR00081
36	Lê Thị Thúy	Hằng				26	3	1987	Trung Sơn, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học Công nghiệp TP HCM	Quản trị kinh doanh		QTR00601		70.00	52.50	57.50		QTR00156
37	Ngô Thị Thúy	Hằng				18	1	1991	Trung Hải, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán kiểm toán		QTR00606		80.00	43.75	55.00		QTR00126
38	Nguyễn Thị Ánh	Hằng				15	10	1994	Nhan Biều, Triệu Thượng, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học tài chính kế toán Quảng Ngãi	Kế toán doanh nghiệp		QTR00612		92.50	68.75	80.00		QTR00173
39	Nguyễn Thị Thanh	Hằng				11	3	1992	Đồng Lễ, Đồng Hà, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại	Con NHCS như TB	QTR00615	20	42.50	45.00	50.00		QTR00260
40	Nguyễn Thị Thu	Hằng				2	2	1988	Duy Viên, Vĩnh Lâm, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán kiểm toán		QTR00616		VT	VT	VT		QTR00241
41	Đinh Thị Thu	Hiền				1	1	1995	Sen Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	Đại học tài chính kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QTR00703		47.50	35.00	75.00		QTR00294
42	Hà Thị Thu	Hiền				20	11	1992	Hải Lệ, TX Quảng Trị, Quảng Trị	Đại học dân lập Phú Xuân Huế	Kế toán		QTR00705		VT	VT	VT		QTR00140
43	Lê Thị Như	Hiền				18	8	1994	Duy Hòa, Triệu Hòa, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp	Con NHĐKC bị NCDHH	QTR00719	20	95.00	76.25	80.00		QTR00064
44	Nguyễn Mạnh	Hiền	16	8	1987				P3, Đồng Hà, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kinh tế nông nghiệp		QTR00724		VT	VT	VT		QTR00262
45	Nguyễn Thị	Hiền				6	6	1991	Triệu Giang, Triệu phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QTR00727		70.00	51.25	87.50		QTR00071
46	Võ Thị Hải	Hiền				12	10	1994	KP 5, TT Gio Linh, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Tài chính		QTR00762		90.00	47.50	85.00		QTR00222
47	Trần Đức	Hiếu	12	6	1986				Triệu Thượng, Triệu Phong, Quảng Trị	Viện đại học Mở Hà Nội	Kế toán	Con NHCS như TB	QTR00782	20	67.50	35.00	75.00		QTR00024
48	Dương Thị Thanh	Hoa				20	6	1993	Thôn Văn Tường, Triệu Trach, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QTR00788		85.00	52.50	82.50		QTR00211
49	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa				21	2	1986	Hải Thượng, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học kinh tế TP HCM	Kế toán	Con NHĐKC bị NCDHH	QTR00804	20	VT	VT	VT		QTR00267
50	Trần Thị Mỹ	Hoa				15	7	1993	Quảng Văn, Quảng Trach, Quảng Bình	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán kiểm toán		QTR00814		VT	VT	VT		QTR00133
51	Trần Nguyễn Bích	Hoài				2	6	1994	Kim Giao, Hải Dương, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại Học Luật - Đại học Huế	Luật tổ chức kinh doanh		QTR00846		70.00	36.25	70.00		QTR00185
52	Võ Văn	Hoàng	13	5	1975				Đồng Giang, Đồng Hà, Quảng trị	Đại học Lạc Hồng	Kế toán		QTR00868		VT	VT	VT		QTR00190
53	Đặng Bảo	Hoàng	11	10	1993				Điền Hòa, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Ngân hàng		QTR00869		77.50	36.25	65.00		QTR00021
54	Lê Thị Thúy	Hồng				2	9	1990	Hương Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học Đông Á Đà Nẵng	Quản Trị kinh doanh	Con TB	QTR00879	20	15.00	37.50	22.50		QTR00136
55	Nguyễn Thị	Hồng				20	3	1991	Đại Áng, Đông Lương, Đồng Hà, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán	Con TB	QTR00885	20	82.50	55.00	77.50		QTR00251
56	Nguyễn Thị Mai	Hồng				20	3	1989	P3, Đồng Hà, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán doanh nghiệp		QTR00886		VT	VT	VT		QTR00256

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
57	Lê Quang	Hùng	11	11	1989				Vĩnh Hiền, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán doanh nghiệp		QTR00924		67.50	40.00	70.00		QTR00034
58	Lê Trung	Hưng	4	6	1994				Vĩnh Chấp, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học kinh tế- Đại học Đà Nẵng	Kiểm toán	Con NHĐKC bị NCDHH	QTR00935	20	62.50	85.00	87.50		QTR00280
59	Hoàng Thị Mai	Hương				4	11	1989	Diễn Thành, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Lạc Hồng	Kế toán kiểm toán		QTR00950		VT	VT	VT		QTR00257
60	Nguyễn Thị Lan	Hương				18	3	1993	Đồng Lễ, Đồng Hà, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán doanh nghiệp		QTR00975		VT	VT	VT		QTR00097
61	Nguyễn Thị Mai	Hương				5	7	1993	Xuân Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán kiểm toán		QTR00977		75.00	51.25	72.50		QTR00094
62	Vũ Thị Lan	Hương				5	8	1991	Xuân Lôi, Lập Thạch, Vĩnh Phúc	Đại học Mở - TP HCM	Kế toán		QTR00992		90.00	80.00	82.50		QTR00009
63	Nguyễn Thị Thanh	Huyền				9	11	1986	Vĩnh Tú, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Sài Gòn	Kế toán		QTR01055		30.00	20.00	50.00		QTR00215
64	Nguyễn Thu	Huyền				13	9	1992	Vĩnh Nam, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Sunderland- Vương quốc Anh	Tài chính - ngân hàng		QTR01064		90.00	MT	92.50		QTR00014
65	Phan Thị Thanh	Huyền				26	5	1987	Bắc Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán - Kiểm toán		QTR01070		52.50	36.25	55.00		QTR00010
66	Phạm Ngọc	Khanh				17	5	1991	Triệu Phước, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Luật TP HCM	Luật học		QTR01087		VT	VT	VT		QTR00246
67	Nguyễn Viết	Kiểm	17	7	1993				Cầm Phổ, Gio Mỹ, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật Dân sự	Con NHCS như TB	QTR01112	20	75.00	37.50	47.50		QTR00037
68	Phan Trung	Kiên	26	6	1993				Quảng Lưu, Quảng Trạch, Quảng Bình	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật Dân sự		QTR01114		52.50	30.00	45.00		QTR00002
69	Nguyễn Thị Thủy	Kiều				15	9	1991	Cam Thành, Cam Lộ, Quảng Trị	Đại Học Kinh Tế- Đại Học Huế	Kế toán doanh nghiệp		QTR01120		82.50	47.50	57.50		QTR00141
70	Cao Thị	Lan				3	8	1994	Vĩnh Thủy, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật tổ chức kinh doanh		QTR01145		92.50	53.75	82.50		QTR00070
71	Đào Thị Ngọc	Lan				13	11	1993	Đồng Hới, Quảng Bình	Đại học Đông Á Đà Nẵng	Kế toán		QTR01147		60.00	68.75	57.50		QTR00099
72	Nguyễn Thị Hồng	Lê				12	10	1992	Vĩnh Thành, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán doanh nghiệp		QTR01171		57.50	46.25	45.00		QTR00266
73	Nguyễn Thị Mỹ	Liên				28	2	1993	Gio Mỹ, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán kiểm toán		QTR01206		45.00	32.50	75.00		QTR00275
74	Hoàng Thị Mỹ	Linh				1	6	1989	Vĩnh Giang, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Luật Tp HCM	Kế toán kiểm toán		QTR01242		57.50	82.50	72.50		QTR00167
75	Lê Thị Quỳnh	Linh				5	5	1993	Đội 3, Đại An Khê, Hải Thượng, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán	Con TB	QTR01252	20	90.00	48.75	57.50		QTR00153
76	Lưu Thị Hải	Linh				11	9	1987	Hạ Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	Đại Học Nha Trang	Kế toán		QTR01256		VT	VT	VT		QTR00123
77	Nguyễn Khánh	Linh				1	10	1992	Tiến Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	QTR01261	20	VT	VT	VT		QTR00285
78	Nguyễn Phương	Linh				13	7	1991	Hải Tân, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật Hành chính Nhà nước		QTR01266		VT	VT	VT		QTR00131
79	Nguyễn Thị Nhật	Linh				18	9	1993	Kim Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật dân sự		QTR01277		VT	VT	VT		QTR00087
80	Phạm Thị Phương	Linh				22	5	1993	Triệu Long, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		QTR01302		85.00	47.50	62.50		QTR00033
81	Trần Ngọc Khánh	Linh				1	7	1994	Triệu Sơn, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học tài chính kế toán Quảng Ngãi	Kế toán doanh nghiệp		QTR01314		92.50	65.00	85.00		QTR00101
82	Vô Thị Thủy	Linh				21	11	1991	Đồng Trường, Hải Trường, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản Trị kinh doanh tổng quát		QTR01329		90.00	51.25	67.50		QTR00102
83	Vô Thị Tú	Linh				10	9	1991	Dương Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học kinh tế TP HCM	Kiểm toán		QTR01330		95.00	58.75	87.50		QTR00032
84	Trương Thị Hồng	Loan				25	8	1989	Quảng Xá, Vĩnh Lâm, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại Học Kinh Tế- Đại Học Huế	Kế toán doanh nghiệp		QTR01358		75.00	30.00	87.50		QTR00114
85	Nguyễn Thị Ái	Lựu				20	5	1992	Lại An, Gio Mỹ, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		QTR01383		VT	VT	VT		QTR00194
86	Đoàn Thị My	Ly				10	2	1993	Triệu Lăng, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kiểm toán		QTR01394		72.50	40.00	72.50		QTR00272
87	Lê Anh	Ly				13	11	1991	Triệu Phước, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán doanh nghiệp		QTR01399		50.00	53.75	65.00		QTR00056

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
88	Trần Thị Ly	Ly				14	6	1992	Đại An Khê, Hải Thượng, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại Học Nông Lâm TP HCM	Quản trị kinh doanh thương mại		QTR01427		VT	VT	VT		QTR00158
89	Nguyễn Thanh	Mai				11	3	1993	Vĩnh Kim, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QTR01444		90.00	82.50	92.50		QTR00017
90	Hồ Thanh	Minh	6	3	1992				Hải Lệ, Thị xã Quảng Trị, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Quản trị kinh doanh		QTR01485		95.00	36.25	80.00		QTR00050
91	Nguyễn Đức	Minh	23	11	1991				Hải Tân, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán - Kiểm toán		QTR01496		92.50	52.50	85.00		QTR00008
92	Nguyễn Thị Hồng	Minh				6	8	1984	Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QTR01499		50.00	42.50	52.50		QTR00086
93	Phan Duy	Minh	21	12	1987				Hương Phong, Hương Trà, TT Huế	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		QTR01504		42.50	42.50	37.50		QTR00155
94	Trần Thị Nhật	Minh				28	8	1993	Vĩnh Thái, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		QTR01508		VT	VT	VT		QTR00248
95	Nguyễn Thị Thảo	My				4	11	1992	Triệu Trạch, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Mở - TPHCM	Kế toán		QTR01527		90.00	71.25	72.50		QTR00214
96	Trần Thị Diễm	My				27	3	1992	Gio Sơn, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học kinh tế- Đại học Đà Nẵng	Luật kinh doanh		QTR01531		95.00	67.50	80.00		QTR00093
97	Võ Hoàng Hà	My				3	5	1989	Vĩnh Tân, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại Học Nha Trang	Tài chính		QTR01534		80.00	38.75	82.50		QTR00104
98	Nguyễn Thị Hoài	Na				15	7	1993	Đại Áng, Đông Lương, Đông Hà, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		QTR01545		37.50	45.00	60.00		QTR00200
99	Nguyễn Hữu	Nam	2	3	1993				Triệu Trạch, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QTR01555		95.00	62.50	92.50		QTR00063
100	Thái Lê	Nam	4	10	1993				Vĩnh Tú, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QTR01564		50.00	47.50	70.00		QTR00174
101	Mai Thị	Nga				2	8	1991	Trung Hải, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học Mở TP HCM	Kế toán		QTR01579		VT	VT	VT		QTR00151
102	Trần Thị Hồng	Nga				28	11	1993	Hải Xuân, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán doanh nghiệp		QTR01593		95.00	62.50	82.50		QTR00023
103	Trần Thị Tuyết	Nga				3	11	1987	Cảnh Hóa, Quảng Trạch, Quảng Bình	Đại học kinh tế TP HCM	Kế toán		QTR01595		35.00	30.00	55.00		QTR00107
104	Võ Thị Thanh	Nga				30	8	1993	Triệu Đông, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán kiểm toán		QTR01599		VT	VT	VT		QTR00255
105	Lê Thị Tuyết	Ngân				9	10	1994	Hải Thượng, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán kiểm toán		QTR01612		VT	VT	VT		QTR00090
106	Ngô Thị Thủy	Ngân				1	12	1990	Thạch Trung, Vĩnh Thạch, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học dân lập Phú Xuân Huế	Kế toán		QTR01619		47.50	32.50	52.50		QTR00176
107	Nguyễn Mỹ	Ngân				3	7	1992	Triệu Trung, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Tài chính ngân hàng		QTR01621		92.50	MT	85.00		QTR00046
108	Hoàng Anh Như	Ngọc				1	6	1992	Trung Hải, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kiểm toán		QTR01650		90.00	72.50	87.50		QTR00270
109	Hoàng Thị Yến	Ngọc				9	3	1993	Cảnh Hóa, Quảng Trạch, Quảng Bình	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật Hợp đồng		QTR01652		VT	VT	VT		QTR00116
110	Thái Ánh	Ngọc				5	5	1993	Vĩnh Thủy, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học kinh tế- Đại học Đà Nẵng	Ngân hàng		QTR01681		92.50	81.25	77.50		QTR00181
111	Trần Thanh	Ngọc	1	10	1991				Ngô Đồng, Cam Thành, Cam Lộ, Quảng Trị	Đại học kiến trúc Đà Nẵng	Tài chính ngân hàng		QTR01683		VT	VT	VT		QTR00165
112	Hồ Thị Thảo	Nguyễn				6	12	1994	Triệu Tài, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		QTR01696		40.00	66.25	65.00		QTR00157
113	Phan Thị Thu	Nguyễn				6	6	1993	Hải Thượng, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán kiểm toán	Con NHCS như TB	QTR01710	20	80.00	46.25	70.00		QTR00168
114	Hồ Thị Minh	Nguyệt				11	5	1989	Đồng Thanh, Đồng Hà, Quảng Trị	Đại học Thương Mại Hà Nội	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		QTR01718		67.50	33.75	65.00		QTR00128
115	Nguyễn Thị Như	Nguyệt				6	7	1990	Liên Bảo, Vụ Bản, Nam Định	Đại học Công Đoàn Hà Nội	Ngân hàng thương mại		QTR01723		VT	VT	VT		QTR00217
116	Nguyễn Thị	Nhã				1	5	1991	Vĩnh Sơn, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học kiến trúc Đà Nẵng	Tài chính ngân hàng		QTR01727		VT	VT	VT		QTR00281
117	Trần Linh	Nhâm				13	3	1992	Vĩnh Long, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Ngân hàng	Con TB	QTR01731	20	VT	VT	VT		QTR00078

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
118	Hồ Thị Thanh	Nhân				28	8	1987	KP2, Đông Thanh, Đông Hà, Quảng Trị	Đại học Ngân hàng TP HCM	Tài chính ngân hàng		QTR01732		65.00	41.25	62.50		QTR00197
119	Lê Thị Yên	Nhân				1	7	1994	Hải Thượng, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật tổ chức kinh doanh		QTR01736		82.50	50.00	72.50		QTR00051
120	Nguyễn Thị Hoài	Nhân				28	1	1994	Triệu Long, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Quản trị kinh doanh		QTR01750		27.50	21.25	25.00		QTR0022
121	Lê Thị Hồng	Nhật				12	1	1992	Vĩnh Giang, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật Kinh tế		QTR01759		VT	VT	VT		QTR00061
122	Đoàn Thị Thảo	Nhi				25	12	1993	Triệu Lăng, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán kiểm toán		QTR01769		90.00	30.00	72.50		QTR00178
123	Nguyễn Tố Ý	Nhi				5	1	1995	Ninh Xá - Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật học		QTR01781		85.00	60.00	80.00		QTR00295
124	Trần Thị Ý	Nhi				7	6	1993	Vĩnh Tú, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		QTR01789		30.00	30.00	42.50		QTR00025
125	Phan Thị Quỳnh	Như				14	4	1994	Lương Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Đại học luật TPHCM	Quản trị kinh doanh		QTR01805		VT	VT	VT		QTR00233
126	Hoàng Công Thị Thanh	Nhung				10	10	1994	Triệu Tài - Triệu Phong - Quảng Trị	Đại học tài chính kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QTR01815		55.00	33.75	62.50		QTR00297
127	Lê Thị Cẩm	Nhung				21	5	1987	Hải Xuân, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán doanh nghiệp		QTR01817		VT	VT	VT		QTR00235
128	Lê Thị Kim	Nhung				25	12	1992	Hải Thượng, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QTR01821		82.50	48.75	70.00		QTR00076
129	Nguyễn Thị Hồng	Nhung				30	1	1992	Trung Hải, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Quản trị kinh doanh thương mại		QTR01834		85.00	85.00	90.00		QTR00196
130	Nguyễn Thủy	Nhung				10	9	1993	Triệu Trạch, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật tổ chức kinh doanh		QTR01844		VT	VT	VT		QTR00047
131	Trần Thị	Nhung				19	7	1990	Nam Phú, Vĩnh Nam, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Thương Mại Hà Nội	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		QTR01852		55.00	28.75	50.00		QTR00258
132	Văn Thị Cẩm	Nhung				6	6	1991	Đội 3, Long Hưng, Hải Phú, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Tôn Đức Thắng TPHCM	Kế toán - Kiểm toán		QTR01854		VT	VT	VT		QTR00143
133	Võ Hồng	Nhung				6	1	1989	Lâm Lang, Cam Thủy, Cam Lộ, Quảng Trị	Đại học Đông Á Đà Nẵng	Kế toán		QTR01855		85.00	50.00	72.50		QTR00177
134	Đỗ Hoàng Phương	Oanh				3	11	1994	Kiên Phước, Triệu Ái, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học kinh tế TP HCM	Tài chính công		QTR01878		VT	VT	VT		QTR00020
135	Nguyễn Thị Kim	Oanh				8	4	1994	Gio Mỹ, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học tài chính kế toán Quảng Ngãi	Kế toán doanh nghiệp		QTR01894		100.00	80.00	92.50		QTR00041
136	Nguyễn Thị Kim	Oanh				18	10	1986	Hải Vĩnh, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Huế	Quản trị kinh doanh		QTR01893		VT	VT	VT		QTR00286
137	Nguyễn Thị Trúc	Oanh				30	7	1991	Duy Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		QTR01897		40.00	36.25	50.00		QTR00184
138	Trần Thị Hoàng	Oanh				25	2	1992	Gio Quang, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Ngân hàng		QTR01906		75.00	40.00	72.50		QTR00048
139	Võ Thị Kim	Oanh				2	3	1986	Vĩnh Chấp, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		QTR01911		70.00	MT	70.00		QTR00058
140	Nguyễn Hữu	Phước	15	6	1991				Vĩnh Kim, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Học viện ngân hàng Hà Nội	Ngân hàng thương mại		QTR01942		VT	VT	VT		QTR00134
141	Bùi Thái	Phương				4	3	1993	Hải Tân, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Tài chính ngân hàng		QTR01945		95.00	48.75	70.00		QTR00170
142	Hoàng Thị Thanh	Phương				26	8	1993	Triệu Trung, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán - Kiểm toán		QTR01961		60.00	50.00	50.00		QTR00045
143	Lê Thị	Phương				28	10	1990	Vĩnh Thạch, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Luật TP HCM	Luật học		QTR01967		VT	VT	VT		QTR00160
144	Nguyễn Thị Thủy	Phương				25	4	1995	TT Hồ Xá - Vĩnh Linh - Quảng Trị	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật học		QTR01997		70.00	47.50	62.50		QTR00296
145	Nguyễn Thị Trúc	Phương				25	6	1994	Hải Vĩnh, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán doanh nghiệp		QTR01998		VT	VT	VT		QTR00036
146	Phan Thanh	Phương	4	5	1993				Gio Mai, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán kiểm toán		QTR02005		60.00	40.00	67.50		QTR00068
147	Trần Thị Lan	Phương				11	2	1988	Vĩnh Sơn, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Quản trị kinh doanh		QTR02016		40.00	33.75	60.00		QTR00237

ng

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
148	Đỗ Thị Hoa	Phượng				23	4	1992	Thôn 9, Xuân Trường, Thọ Xuân, Thanh Hóa	Đại học Lao động - xã hội	Kế toán		QTR02027		VT	VT	VT		QTR00011
149	Trần Thị	Phượng				20	4	1994	Triệu Đông, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kiểm toán		QTR02040		92.50	58.75	72.50		QTR00269
150	Võ Thị Như	Pin				10	10	1987	Hải Quy, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Tài chính Marketing TPHCM	Kế toán doanh nghiệp		QTR02043		VT	VT	VT		QTR00186
151	Hoàng Thị	Quyên				10	9	1995	Mai Đan - Hải Lâm - Hải Lăng - Quảng Trị	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật học		QTR02073		VT	VT	VT		QTR00298
152	Nguyễn Thị Thảo	Quyên				13	12	1992	Vĩnh Nam, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh	Kế toán		QTR02082		70.00	62.50	67.50		QTR00112
153	Võ Văn	Quyết	25	11	1992				Hải Vĩnh, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		QTR02093		VT	VT	VT		QTR00132
154	Phan Thị Như	Quỳnh				2	8	1993	Tả Hữu, Triệu Tài, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán kiểm toán		QTR02125		VT	VT	VT		QTR00175
155	Trần Hương	Quỳnh				26	10	1994	Vĩnh Sơn, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Quản trị kinh doanh thương mại		QTR02126		92.50	55.00	82.50		QTR00145
156	Phan Hoàng	Sơn	20	10	1992				Triệu Thượng, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán kiểm toán		QTR02158		VT	VT	VT		QTR00164
157	Nguyễn Thị Thu	Sương				23	1	1991	Hải Tân, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp	Con NHCS như TB	QTR02167	20	95.00	46.25	70.00		QTR00161
158	Lê Tấn	Tài	19	12	1989				Quy Thiện, Hải Quy, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản Trị kinh doanh thương mại		QTR02173		VT	VT	VT		QTR00127
159	Nguyễn Thị	Tâm				3	1	1990	Tiên An, Vĩnh Sơn, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Ngân hàng TP HCM	Tài chính ngân hàng		QTR02195		80.00	61.25	72.50		QTR00039
160	Võ Trần	Tâm	16	8	1992				Gio Châu, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học kinh tế TP HCM	Tài chính		QTR02215		60.00	50.00	60.00		QTR00029
161	Phạm Thị Hồng	Thái				15	2	1993	Vĩnh Thành, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kinh tế lao động		QTR02221		80.00	71.25	80.00		QTR00022
162	Nguyễn Thị	Thắm				12	7	1995	Triệu Long Triệu Phong Quảng Trị	Đại học kinh tế- Đại Học Huế	Quản Trị Kinh Doanh Thương Mại		QTR02234		95.00	56.25	82.50		QTR00292
163	Lê Tuấn	Thanh	1	6	1991				Cam Thủy, Cam Lộ, Quảng Trị	Đại Học Quy Nhơn	Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ	Con TB	QTR02260	20	77.50	41.25	60.00		QTR00091
164	Nguyễn Hoàng Phượng	Thanh				7	6	1989	Vĩnh Thành, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Quy Nhơn	Tài chính doanh nghiệp		QTR02263		VT	VT	VT		QTR00205
165	Nguyễn Thị	Thanh				31	1	1991	Vĩnh Chấp, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		QTR02264		32.50	32.50	40.00		QTR00083
166	Hoàng Minh	Thành	25	6	1990				Cảnh Hóa, Quảng Trạch, Quảng Bình	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán kiểm toán		QTR02289		80.00	38.75	75.00		QTR00117
167	Phạm Thị Hải	Thành				12	4	1991	Duy Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị tài chính	Con NHCS như TB	QTR02295	20	67.50	51.25	72.50		QTR00243
168	Lê Thị	Thao				20	9	1985	Triệu Trạch, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật		QTR02300		35.00	22.50	27.50		QTR00216
169	Lê Thị Thu	Thảo				20	7	1994	Vĩnh Thành, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Công nghiệp TP HCM	Kế toán kiểm toán		QTR02338		82.50	58.75	70.00		QTR00121
170	Lê Trần Nguyên	Thảo				1	12	1989	Vĩnh Chấp, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán - Kiểm toán		QTR02339		80.00	46.25	80.00		QTR00060
171	Nguyễn Thị Phượng	Thảo				19	1	1993	Vĩnh Hòa, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		QTR02361		77.50	58.75	75.00		QTR00212
172	Nguyễn Thị Thu	Thảo				24	10	1994	Triệu Phước, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QTR02373		80.00	72.50	75.00		QTR00053
173	Phạm Thu	Thảo				9	11	1993	Lê Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Đại học kinh tế- Đại học Đà Nẵng	Kinh tế phát triển	Con TB	QTR02379	20	95.00	62.50	90.00		QTR00089
174	PhạmThị Phương	Thảo				20	2	1994	Cam An, Cam Lộ, Quảng Trị	Đại học Quy Nhơn	Quản lý tài chính kế toán		QTR02380		97.50	53.75	82.50		QTR00150
175	Nguyễn Đức	Thịnh	8	2	1991				P3, Đông Hà, Quảng Trị	Học viện hành chính Quốc gia Hà Nội	Tài chính ngân hàng		QTR02430		VT	VT	VT		QTR00227
176	Hoàng Thị Anh	Thơ				20	6	1991	Triệu Văn, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Quốc tế Hồng Bàng TP HCM	Kế toán - Kiểm toán		QTR02436		77.50	45.00	72.50		QTR00077

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
177	Lê Thị	Thu				3	1	1991	Duy Hòa, Triệu Hòa, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế kế hoạch đầu tư		QTR02472		VT	VT	VT		QTR00146
178	Thái Hà	Thu				30	1	1994	Hưng Chính, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Luật TP HCM	Luật dân sự		QTR02485		65.00	55.00	80.00		QTR00225
179	Trần Thị	Thu				30	7	1989	Vĩnh Nam, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Học viện tài chính Hà Nội	Tài chính ngân hàng		QTR02488		92.50	71.25	82.50		QTR00191
180	Dương Thị Anh	Thư				18	7	1989	Điện Phương, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học kinh tế luật TP HCM	Luật thương mại quốc tế		QTR02492		VT	VT	VT		QTR00274
181	Dương Thị Quỳnh	Thư				20	5	1992	Hải Thành, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán kiểm toán		QTR02494		42.50	31.25	22.50		QTR00219
182	Lê Anh	Thư				3	5	1993	Vĩnh Tú, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học kinh tế - TP HCM	Tài chính công		QTR02496		55.00	75.00	72.50		QTR00252
183	Phạm Thị Thu	Thuế				8	4	1991	Thanh Lê, Triệu Trung, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Ngân hàng		QTR02523		VT	VT	VT		QTR00180
184	Hoàng Thị	Thương				28	10	1986	Xuân Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán doanh nghiệp		QTR02531		57.50	28.75	35.00		QTR00273
185	Lê Thị	Thương				20	12	1985	Hải Thượng, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Lạc Hồng	Kế toán	Con NHCS như TB	QTR02536	20	40.00	37.50	50.00		QTR00206
186	Lê Thị Hoài	Thương				10	4	1990	Thôn Linh An, Triệu Trạch, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán kiểm toán	Con NHCS như TB	QTR02537	20	42.50	MT	60.00		QTR00171
187	Nguyễn Thị	Thương				2	1	1992	Đồng Giang, Đồng Hà, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		QTR02545		37.50	22.50	45.00		QTR00253
188	Trần Thị Hoài	Thương				28	4	1990	Trung Hải, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học kinh tế TP HCM	Kế toán		QTR02554		VT	VT	VT		QTR00236
189	Trương Thị Hoài	Thương				4	8	1993	Lệ Xuyên, Triệu Trạch, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kinh tế và quản lý công		QTR02556		65.00	43.75	75.00		QTR00210
190	Nguyễn Lê Diệu	Thúy				1	4	1994	Vĩnh Thủy, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học ngoại thương	Tài chính quốc tế		QTR02580		80.00	83.75	72.50		QTR00092
191	Nguyễn Thị	Thúy				10	8	1990	Thái Lai, Vĩnh Thái, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Tài chính Marketing TP HCM	Kế toán doanh nghiệp		QTR02583		52.50	28.75	40.00		QTR00259
192	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy				16	7	1993	Xuân Thủy, Lệ thủy, Quảng Bình	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán kiểm toán		QTR02588		82.50	40.00	82.50		QTR00147
193	Võ Thị Diệu	Thúy				21	3	1993	Thị trấn Cửa Tùng, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		QTR02602		60.00	32.50	47.50		QTR00027
194	Hoàng Thị	Thủy				9	8	1994	Vĩnh Thành, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Luật Kinh Doanh		QTR02608		95.00	50.00	80.00		QTR00144
195	Hoàng Thị Thu	Thủy				12	5	1994	Xuân Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học tài chính kế toán Quảng Ngãi	Kế toán doanh nghiệp		QTR02627		95.00	43.75	90.00		QTR00043
196	Mai Thị Như	Thủy				19	8	1993	Đồng Tân An, Hải An, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QTR02635		97.50	58.75	82.50		QTR00224
197	Nguyễn Thị Lộc	Thủy				25	3	1990	Thôn 6, Triệu Lăng, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại Học Quy Nhơn	Kế toán		QTR02648		90.00	45.00	72.50		QTR00138
198	Phan Thị Thanh	Thủy				10	5	1994	Triệu Thượng, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Ngân hàng		QTR02659		VT	VT	VT		QTR00044
199	Tổng Thị Thanh	Thủy				2	3	1993	Cam An, Cam Lộ, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QTR02660		60.00	32.50	75.00		QTR00004
200	Trần Thị Thanh	Thủy				17	5	1990	Gio Hải, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học Quảng Nam	Quản trị kinh doanh		QTR02665		VT	VT	VT		QTR00207
201	Trần Thị Thu	Thủy				23	9	1991	Thủy Thanh, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Ngân hàng		QTR02667		VT	VT	VT		QTR00085
202	Trần Thị Sơn	Tiên				30	10	1991	Triệu An, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Luật TP HCM	Luật hình sự	Con TB	QTR02683	20	85.00	40.00	75.00		QTR00193
203	Lê Thị Hương	Trà				20	1	1990	Quảng Lộc, Quảng Trạch, Quảng Bình	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán doanh nghiệp		QTR02720		62.50	26.25	40.00		QTR00130
204	Nguyễn Thị Minh	Trâm				10	2	1993	Hải Vĩnh, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán kiểm toán		QTR02747		82.50	37.50	82.50		QTR00232
205	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm				29	6	1992	Cam Chính, Cam Lộ, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng quát		QTR02748		VT	VT	VT		QTR00079
206	Biện Thị Thủy	Trang				15	4	1990	Thạch Xuân, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học kinh tế- Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QTR02765		90.00	52.50	82.50		QTR00137
207	Cáp Phạm Bảo	Trang				1	8	1993	Hải Xuân, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		QTR02771		VT	VT	VT		QTR00065
208	Lê Thị Huyền	Trang				5	11	1994	Triệu Lăng, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Vinh	Luật		QTR02803		VT	VT	VT		QTR00183

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi				Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NV CN TN	Ngoại ngữ	Tin học			
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
209	Lê Thị Thu	Trang				15	12	1994	Hải Thượng, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học kinh tế- Đại học Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		QTR02806		77.50	38.75	80.00		QTR00282	
210	Lê Thị Thu	Trang				21	2	1992	Gio Quang, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Quản trị kinh doanh tổng hợp		QTR02805		77.50	65.00	62.50		QTR00149	
211	Nguyễn Thị Minh	Trang				6	4	1991	Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh	Kinh tế học		QTR02839		95.00	53.75	77.50		QTR00015	
212	Nguyễn Thị Thùy	Trang				9	5	1995	Vĩnh Tân, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học kinh tế- Đại học Huế	Kế toán kiểm toán		QTR02857		VT	VT	VT		QTR00289	
213	Nguyễn Thị Xuân	Trang				7	9	1991	Đại Áng, Đông Lương, Đông Hà, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán doanh nghiệp		QTR02858		77.50	62.50	75.00		QTR00202	
214	Nguyễn Thùy	Trang				20	5	1993	TT Hồ Xá, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kinh tế nông nghiệp- Tài chính		QTR02861		77.50	MT	72.50		QTR00142	
215	Phan Thị Huyền	Trang				24	5	1992	Phong Thủy, Lê Thủy, Quảng Bình	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán doanh nghiệp		QTR02874		VT	VT	VT		QTR00254	
216	Trần Thị	Trang				3	9	1992	Hương Toàn, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Ngân hàng		QTR02890		95.00	70.00	82.50		QTR00096	
217	Trần Thị Thùy	Trang				19	2	1990	Triệu Trạch, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Ngân hàng		QTR02906		77.50	45.00	80.00		QTR00098	
218	Võ Thị Huyền	Trang				22	3	1991	Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Tài chính ngân hàng Hà Nội	Tài chính ngân hàng		QTR02914		32.50	17.50	37.50		QTR00226	
219	Cáp Lê Hoài	Trình				13	10	1992	Hải Xuân, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán kiểm toán		QTR02931		VT	VT	VT		QTR00139	
220	Dương Thị Tuyết	Trình				27	8	1994	Gio Mỹ, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán kiểm toán		QTR02935		52.50	46.25	77.50		QTR00122	
221	Hồ Kiều	Trình				17	8	1993	Cam Thanh, Cam Lộ, Quảng Trị	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh thương mại		QTR02936		75.00	63.75	60.00		QTR00276	
222	Nguyễn Ngọc Tuyết	Trình				15	5	1988	Xuân Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Đại học Nha Trang	Kế toán		QTR02941		VT	VT	VT		QTR00052	
223	Nguyễn Thị Ngọc	Trình				28	7	1992	Gio Phong, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán kiểm toán		QTR02946		77.50	50.00	67.50		QTR00195	
224	Lê Nguyễn Thùy	Trúc				25	4	1992	Triệu Trạch, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học dân lập Phú Xuân Huế	Kế toán		QTR02957		82.50	37.50	75.00		QTR00213	
225	Ngô Hoàng Bảo	Trung	19	7	1993				Vạn Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		QTR02963		VT	VT	VT		QTR00234	
226	Nguyễn Thanh	Trung	28	10	1989				Ngọc Anh, Phú Thượng, Phú Vang, TT Huế	Đại học quốc tế Hồng Bàng TP HCM	Kế toán-Kiểm toán		QTR02964		47.50	18.8	VT	Cảnh cáo	QTR00288	
227	Nguyễn Văn	Tú	15	12	1983				Triệu Trạch, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học dân lập Phú Xuân Huế	Kế toán		QTR02988		VT	VT	VT		QTR00198	
228	Phạm Văn	Tuấn	1	9	1988				Lê Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Đại học Đà Nẵng	Kinh tế phát triển	Con TB	QTR03012	20	85.00	45.00	82.50		QTR00059	
229	Trần Văn	Tùng	20	11	1993				Đông Luật, Vĩnh Thái, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Ngân hàng	Con TB	QTR03020	20	VT	VT	VT		QTR00239	
230	Nguyễn Bình Linh	Tuyển	6	12	1989				Vĩnh Thành, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán - Kiểm toán		QTR03025		70.00	38.75	52.50		QTR00018	
231	Nguyễn Thị	Tuyển				9	7	1986	Hải Chữ, Trung Hải, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học kinh tế TP HCM	Kế toán		QTR03036		47.50	31.25	55.00		QTR00238	
232	Dương Thị	Uyên				20	11	1983	Thôn Quy Hậu, Hòa Trị, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán		QTR03056		52.50	40.00	75.00		QTR00229	
233	Nguyễn Thị	Uyên				20	3	1993	Vĩnh Thủy, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán kiểm toán		QTR03062		37.50	28.75	52.50		QTR00188	
234	Lê Thị Khánh	Vân				20	2	1991	Triệu Long, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán doanh nghiệp		QTR03086		VT	VT	VT		QTR00199	
235	Nguyễn Thị Cẩm	Vân				31	10	1993	Gio Mai, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán - Kiểm toán		QTR03097		95.00	55.00	75.00		QTR00040	
236	Nguyễn Thị Khánh	Vân				16	4	1989	Lê Xá, Vĩnh Sơn, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán - Kiểm toán		QTR03100		90.00	50.00	77.50		QTR00072	
237	Nguyễn Thị Thanh	Vân				20	5	1994	Đông Lễ, Đông Hà, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán kiểm toán		QTR03102		92.50	55.00	75.00		QTR00203	

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
238	Nguyễn Hoàng	Việt	14	10	1994				Quảng Hòa, Quảng Trạch, Quảng Bình	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn		QTR03141		47.50	58.75	70.00		QTR00013
239	Nguyễn Thị Thanh	Việt				9	10	1992	Vĩnh Giang, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học kinh tế TP HCM	Tài chính		QTR03143		VT	VT	VT		QTR00152
240	Nguyễn Tuấn	Vũ	16	3	1992				Quảng Phương, Quảng Trạch, Quảng Bình	Đại học kinh tế TP HCM	Tài chính		QTR03170		90.00	87.50	90.00		QTR00135
241	Nguyễn Thị Như	Ý				1	1	1991	Việt Yên, Triệu Phước, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QTR03217		95.00	42.50	82.50		QTR00208
242	Nguyễn Thị	Yến				15	12	1987	P5, Đông Hà, Quảng Trị	Đại học dân lập Phú Xuân Huế	Kế toán		QTR03244		VT	VT	VT		QTR00249
243	Nguyễn Thị Hải	Yến				30	8	1991	Hồng Phong, Đông Triều, Quảng Ninh	Đại học Tài chính Marketing TP HCM	Kế toán ngân hàng	Con BB	QTR03249	20	VT	VT	VT		QTR00218
244	Nguyễn Thị Ngọc	Yến				21	10	1994	Ngõ Xá Đông, Triệu Trung, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		QTR03256		VT	VT	VT		QTR00163
245	Võ Phi	Yến				8	7	1991	An Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		QTR03267		60.00	21.25	50.00		QTR00119
246	Vũ Thị Hải	Yến				12	4	1991	Thanh Tùng, Thanh Miện, Hải Dương	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		QTR03268		75.00	43.75	75.00		QTR00182
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
1	Võ Thị Ngọc	Anh				19	7	1983	An Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học Quốc gia Xanh-Petecbua - Liên bang Nga	Phần mềm các hệ thống tự động và kỹ thuật máy tính		QTR03271		82.50	MT			QTR00075
2	Đình Tuấn	Mỹ	24	9	1990				Quy Hóa, Minh Hóa, Quảng Bình	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông- Hà Nội	Hệ thống thông tin		QTR03301		60.00	37.50			QTR00261
3	Nguyễn Đăng Nhật	Tâm	25	11	1990				Hải Vĩnh, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Công nghiệp TP HCM	Công nghệ điện tử viễn thông		QTR03310		70.00	66.25			QTR00265
4	Nguyễn Văn	Tân	19	10	1993				Đại Áng, Đông Lương, Đông Hà, Quảng Trị	Đại học khoa học- Đại học Huế	Mạng máy tính	Con TB	QTR03311	20	42.50	25.00			QTR00279
5	Đình Văn	Tấn	28	10	1992				Triệu Độ, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học khoa học - Đại học Huế	Khoa học máy tính		QTR03312		57.50	35.00			QTR00244
6	Võ Đức	Tuấn	10	6	1989				An Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kỹ thuật mạng		QTR03337		47.50	35.00			QTR00240
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
1	Phùng Thị Lan	Anh				21	8	1988	Vĩnh Tân, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Trung cấp Mai Lĩnh Quảng Trị	Hạch toán kế toán		QTR03349		28.00	34.00	64.00		QTR00223
2	Nguyễn Thị Hồng	Diên				19	5	1982	Sơn Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Cao đẳng tài chính kế toán Quảng Ngãi	Kế toán doanh nghiệp		QTR03352		VT	VT	VT		QTR00192
3	Phùng Thủy Hương	Giang				22	12	1987	Cam Thành, Cam Lộ, Quảng Trị	Cao đẳng tài chính kế toán Quảng Ngãi	Kế toán doanh nghiệp		QTR03360		VT	VT	VT		QTR00106
4	Đào Thị	Hà				10	7	1989	Vĩnh Cháp, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Cao đẳng kinh tế công nghệ TP HCM	Quản trị kinh doanh		QTR03362		64.00	56.00	64.00		QTR00201
5	Lâm Việt	Hà				18	10	1991	Xuân Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học kiến trúc Đà Nẵng	Kế toán		QTR03363		44.00	38.00	56.00		QTR00074
6	Nguyễn Việt	Hà	22	7	1986				Trung Hải, Gio Linh, Quảng Trị	Cao đẳng Thương mại Đà Nẵng	Kế toán tổng hợp		QTR03364		24.00	14.00	60.00		QTR00125
7	Trần Thị	Hà				18	2	1993	Gia Độ, Triệu Độ, Triệu Phong, Quảng Trị	Cao đẳng công nghiệp Huế	Kế toán doanh nghiệp		QTR03365		VT	VT	VT		QTR00283
8	Trần Đình	Hiển	6	5	1992				Triệu Phước, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Quản trị kinh doanh thương mại		QTR03370		64.00	56.00	60.00		QTR00264
9	Lê Văn	Hiếu	27	4	1991				Triệu Ái, Triệu Phong, Quảng TRỊ	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán		QTR03371		52.00	30.00	84.00		QTR00088
10	Nguyễn Thị Ánh	Hoàng				15	9	1992	Duy Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Đại học Đông Á Đà Nẵng	Kế toán		QTR03374		VT	VT	VT		QTR00026
11	Nguyễn Thị	Hồng				21	12	1988	Vĩnh Cháp, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Cao đẳng Thương mại Đà Nẵng	Quản trị doanh nghiệp thương mại		QTR03375		64.00	46.00	80.00		QTR00028

ugh

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số bảo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
12	Nguyễn Thị Thu	Hồng				2	9	1995	Trung Giang, Gio Linh, Quảng Trị	Cao đẳng Kinh tế Kế hoạch Đà Nẵng	Kế toán tổng hợp		QTR03376		VT	VT	VT		QTR00042
13	Cao Thị	Hường				6	1	1989	Vĩnh Thủy, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại Học Kinh Tế- Đại Học Huế	Kế toán doanh nghiệp		QTR03377		64.00	32.00	60.00		QTR00120
14	Nguyễn Thị	Huyền				22	6	1984	Vĩnh Chấp, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị	Kế toán - Tin học	Con TB	QTR03381	20	60.00	14.00	56.00		QTR00057
15	Hoàng Ngọc	Huyền				17	10	1994	Hồ Xá, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Cao đẳng Kinh tế Kế hoạch Đà Nẵng	Kế toán tổng hợp		QTR03382		56.00	56.00	68.00		QTR00231
16	Mai Thị	Huyền				28	12	1992	Hải Ba, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học dân lập Phú Xuân Huế	Kế toán		QTR03383		VT	VT	VT		QTR00278
17	Vũ Thị Hoa	Lê				14	12	1983	Gia Vượng, Gia Viễn, Ninh Bình	Trung học kinh tế Quảng Bình	Kế toán doanh nghiệp		QTR03386		68.00	48.00	80.00		QTR00069
18	Hồ Thị Thủy	Linh				22	5	1992	Quảng Xuân, Quảng Trach, Quảng Bình	Cao đẳng Công nghệ và kinh doanh Việt Tiến	Kế toán		QTR03389		VT	VT	VT		QTR00169
19	Lê Thị Cẩm	Linh				11	4	1993	KP 3, P3, TX Quảng Trị, Quảng Trị	Cao đẳng Thương mại Đà Nẵng	Kế toán doanh nghiệp		QTR03390		44.00	32.00	60.00		QTR00066
20	Nguyễn Thị Phương	Linh				14	7	1992	Quảng Hòa, Quảng Trach, Quảng Bình	Đại học tài chính kế toán Quảng Ngãi	Tài chính doanh nghiệp		QTR03394		72.00	42.00	68.00		QTR00012
21	Tạ Thị Khánh	Linh				2	9	1995	Vĩnh Nam, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Cao đẳng công nghiệp Huế	Kế toán		QTR03396		48.00	46.00	40.00		QTR00263
22	Bùi Thị Phương	Loan				1	7	1994	Thanh Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Trung Cấp Luật Đồng Hới	Pháp luật	Con TB	QTR03397	20	32.00	36.00	36.00		QTR00109
23	Nguyễn Thị Bình	Minh				11	5	1992	Cẩm Phúc, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Đại học kiến trúc Đà Nẵng	Quản Trị kinh doanh	Con NHĐKC bị NCDHH	QTR03400	20	52.00	44.00	64.00		QTR00129
24	Nguyễn Văn	Nam	29	7	1991				Thái Lai, Vĩnh Thái, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học tài chính kế toán Quảng Ngãi	Kế toán doanh nghiệp		QTR03403		52.00	32.00	68.00		QTR00172
25	Nguyễn Trí	Nhân	7	10	1993				Hải Vĩnh, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học tài chính kế toán Quảng Ngãi	Kế toán doanh nghiệp		QTR03409		56.00	40.00	56.00		QTR00054
26	Lê Thị Thu	Nhi				21	9	1989	Cam An, Cam Lộ, Quảng Trị	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật		QTR03412		40.00	42.00	48.00		QTR00110
27	Nguyễn Thị Huyền	Ni				10	1	1992	Triệu Phước, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán	TTTTN	QTR03415	10	28.00	44.00	56.00		QTR00073
28	Cao Xuân	Phú	7	6	1991				TT Hồ Xá, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Cao đẳng Kinh tế Kế hoạch Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		QTR03417		56.00	30.00	64.00		QTR00284
29	Trần Thanh	Phước	18	10	1992				Gio Hải, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học Quảng Nam	Kế toán		QTR03419		40.00	26.00	76.00		QTR00162
30	Nguyễn Thị	Phượng				18	7	1990	Triệu Phước, Triệu Phong, Quảng Trị	Cao đẳng Kinh tế Kế hoạch Đà Nẵng	Kế toán tổng hợp		QTR03420		48.00	40.00	64.00		QTR00277
31	Đặng Thị Kim	Phượng				18	6	1988	Thôn Ái Tử, Triệu Ái, Triệu Phong, Quảng Trị	Cao đẳng công nghệ thông tin Đà Nẵng	Kế toán-tin học	Con NHCS như TB	QTR03422	20	VT	VT	VT		QTR00113
32	Lê Thị	Phượng				29	9	1994	Triệu Đô, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh		QTR03423		84.00	56.00	68.00		QTR00006
33	Nguyễn Văn	Quốc	28	2	1991				Vĩnh Lâm, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học tài chính kế toán Quảng Ngãi	Kế toán tổng hợp		QTR03424		VT	VT	VT		QTR00287
34	Nguyễn Văn	Thắng	1	9	1994				Thái Lai, Vĩnh Thái, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học tài chính kế toán Quảng Ngãi	Quản Trị kinh doanh tổng hợp		QTR03430		72.00	36.00	76.00		QTR00111
35	Võ Viết	Thành	19	1	1988				Triệu Long, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh	TTTTN	QTR03432	10	60.00	36.00	52.00		QTR00030
36	Hoàng Thị Phương	Thảo				18	2	1993	Nghĩa Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	Cao đẳng Kinh tế kế hoạch Đà Nẵng	Kế toán tổng hợp		QTR03434		44.00	38.00	56.00		QTR00016
37	Nguyễn Thị Thủy	Trang				1	1	1992	Gio Mỹ, Gio Linh, Quảng Trị	Cao đẳng Kinh tế Kế hoạch Đà Nẵng	Kế toán tổng hợp		QTR03444		84.00	68.00	88.00		QTR00187
38	Lê Thế	Trí	6	5	1994				Triệu Trạch, Triệu Phong, Quảng Trị	Cao đẳng Kinh tế Kế hoạch Đà Nẵng	Kế toán tổng hợp		QTR03445		VT	VT	VT		QTR00242
39	Đoàn Quang	Trung	16	2	1992				Đức Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Đại học tài chính kế toán Quảng Ngãi	Kế toán doanh nghiệp		QTR03446		44.00	34.00	64.00		QTR00154

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
40	Nguyễn Thị Mỹ	Tú				21	10	1984	Thủy Phương, Hương Thủy, TT Huế	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán doanh nghiệp		QTR03448		56.00	34.00	MT		QTR00250
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			
1	Bùi Thị Hồng	Luyến				26	1	1987	Vạn Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Đại học Đà Nẵng	Tin học - Văn thư lưu trữ		QTR03466		76.00	36.00	76.00		QTR00080
2	Phan Thị	Ly				12	2	1992	Bích Giang, Cam Hiếu, Cam Lộ, Quảng Trị	Đại Học Khoa Học Xã Hội và Nhân văn TP HCM	Lưu trữ và quản trị văn phòng		QTR03467		68.00	48.00	68.00		QTR00100
3	Hoàng Thị Thu	Mai				2	11	1983	Triệu Ấi, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Đà Nẵng	Tin học - Văn thư lưu trữ		QTR03470		76.00	44.00	76.00		QTR00082
4	Lê Thị Tổ	Nga				26	9	1992	Hải Chữ, Trung Hải, Gio Linh, Quảng Trị	Cao đẳng Sư Phạm Thừa Thiên Huế	Quản trị văn phòng		QTR03473		VT	VT	VT		QTR00220
5	Ngô Đức	Phong	21	10	1991				Vĩnh Giang, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị	Quản trị văn phòng		QTR03478		VT	VT	VT		QTR00148
6	Lê Thị Tường	Vì				10	5	1991	Vĩnh Hiền, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Nội vụ Hà Nội	Văn thư - Lưu trữ		QTR03490		VT	VT	VT		QTR00067

ngb